

Bản án số: 92/2023/DS-PT

Ngày: 12-6-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

T2nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Quang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/6/2023 và ngày 12/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2022/TLST-DS, ngày 24/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã TT, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Bùi Gia N, sinh năm 1976;
Địa chỉ: 79 ĐTM, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường TTh, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường TTh, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Đ trình bày:

Ngày 10/11/2020 ông Đ có cho ông T vay 200.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất theo quy định. Việc vay được lập Hợp đồng công chứng số 20960 ngày 10/11/2021 tại Văn phòng công chứng Bình Phước. Mục đích cho vay sử dụng vào kinh tế gia đình của ông T. Số tiền cho vay là tài sản riêng của ông Đ. Đến tháng 12/2020 ông T đã thanh toán cho ông Đ số tiền 24.000.000đồng, trong đó có 20.040.000đồng tiền lãi trả trước 06 tháng, còn lại là 3.960.000đồng tiền gốc.

Đã quá thời hạn vay ông Đ nhiều lần đòi tiền ông T nhưng ông T không trả. Nay ông Đ yêu cầu ông T trả cho ông Đ số tiền 196.040.000đồng gốc và lãi tạm tính từ ngày 11/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử là 1,6%/tháng.

Tại Bản lấy lời khai ngày 25/4/2022 ông Đ có ý kiến đồng ý việc ông T trả cho ông số tiền 24.000.000đồng trừ vào tiền gốc và đồng ý việc tính lãi suất từ ngày vay 10/11/2020 đến ngày thỏa thuận trả nợ 10/5/2021 với lãi suất 1%/tháng và từ ngày 11/5/2021 đến ngày xét xử lãi suất 1,67%/tháng của số tiền 176.000.000đồng.

Bị đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Ngày 10/11/2020, ông Nguyễn Đăng Đ có đồng ý cho ông T vay số tiền mặt là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng chẵn). Hai bên đã ra văn phòng công chứng Bình Phước (có trụ sở tại đường Hùng Vương, khu phố Thanh Bình, phường TBi, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước) để ký hợp đồng nguyên tắc. Ký hợp đồng xong, ông Đ nói ông T về quán cà phê Bon Sai (quán của vợ ông T) uống cà phê ngồi đợi để ông Đ đi ngân hàng rút tiền về để giao cho ông T. Do chưa nhận tiền nên 02 hợp đồng đã công chứng, ông Đ tạm thời giữ hết, khi ông Đ giao tiền ông T sẽ ký nhận tiền (hoặc ghi thẳng vào hợp đồng vay tiền hoặc dùng biên nhận tiền riêng để ký nhận), giao nhận tiền xong mỗi bên sẽ giữ 01 bản hợp đồng đã công chứng cùng chứng từ giao nhận tiền để làm cơ sở thanh toán về sau. Lãi suất vay theo thỏa thuận là 3%/tháng, tức 6 triệu đồng/tháng, lãi suất sẽ thanh toán vào mỗi cuối tháng.

Thỏa thuận xong, ông T về quán cà phê Bon Sai ngồi đợi khoảng 1 giờ đồng hồ thì ông Đ mang tiền tới, ông T đang định ký nhận tiền vào biên bản nhận tiền do ông Đ soạn sẵn đưa cho ông T ký với số tiền là 200.000.000đ thì ông Đ nói: “mình xin lỗi, lúc cậu hỏi vay tiền mình nói lộn lãi suất là 3%/tháng, chứ thực ra là mình cho vay, do cậu vay số tiền ít nên mình phải cho vay 2.000đ/1 triệu/1 ngày, vì họ vay mình tiền tỷ, mình đã cho vay với lãi suất 1.500đ/1 triệu/1 ngày rồi”. Khi đó ông T dừng lại không ký nữa và nói: “lãi suất 2.000đ/1 triệu /1 ngày tức 6%/tháng là cao quá, chỉ có buôn ma túy mới trả nổi số tiền lãi đó, nếu vậy ông T không vay nữa”. Ông Đ đe ông T “Hợp đồng vay tiền đã ký rồi, nếu cậu không nhận tiền với lãi suất 2.000đ/1 triệu/1 ngày thì sau này đến hạn ghi trong hợp đồng cậu vẫn phải trả cả gốc lẫn lãi cho tôi đó”, ông T trả lời ông Đ “hợp đồng vay tiền chỉ là hợp đồng nguyên tắc thôi, trong hợp đồng không ghi là tôi đã nhận tiền, thực tế tôi chưa nhận tiền thì tôi đâu có sợ”. Ông Đ nghe tôi nói vậy thì cầm tiền và 02 hợp đồng vay tiền đã công chứng ra về.

Vì vậy: ông T đề nghị quý Tòa yêu cầu ông Đ cung cấp ra những bằng chứng để chứng minh cho việc hợp đồng (nguyên tắc) vay tiền giữa ông T và ông Đ đã được hai bên thực hiện đầy đủ: đó là bằng chứng (chứng từ gốc) chứng minh ông T đã nhận tiền 200 triệu đồng từ ông Đ, cũng như chứng minh việc ông T đã trả ông Đ 20.040.000đ tiền lãi 06 tháng và 3.960.00đ tiền gốc.

Nay ông T khẳng định ông T chưa nhận 200.000.000đồng số tiền vay theo Hợp đồng vay ngày 10/11/2020 nên ông T không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Ông T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp giữa ông T và ông Đ, ông T chỉ trình bày để Tòa án nắm rõ việc ông T và ông Đ có mâu thuẫn trong làm ăn nên ông Đ tự ý vô cớ kiện đòi tiền ông T theo Hợp đồng vay ngày 10/11/2020 trong khi ông T chưa nhận tiền.

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2020 ông T là người dân ít hiểu biết pháp luật, chỉ biết là ông T chưa nhận tiền 200.000.000đồng là Hợp đồng chưa có hiệu lực nên ông T không yêu cầu ông Đ ra Văn phòng công chứng để hủy.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc T2 trình bày:

Bà T2 là vợ ông T. Vào khoảng tháng 10-12/2021 tại quán cà phê Bon Sai giữa ông Đ và ông T có việc giao dịch mượn tiền mà bà T2 là người đếm tiền do ông Đ đưa, khi đếm tiền thì được biết ông Đ và ông T không thống nhất với nhau về lãi suất nên ông T kêu bà T2 trả lại tiền cho ông Đ. Ông Đ cầm tiền bỏ vào cốp xe đi về. Còn ông T xé hai tờ giấy biên nhận tiền (bà T2 có nhìn thấy hai giấy biên nhận tiền đánh máy bằng giấy A4). Bà T2 khẳng định không có việc giao nhận tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng Đ.

Buộc ông Đỗ Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Đăng Đ số tiền gốc là 176.000.000đồng, tiền lãi là 59.448.000, tổng cộng là 235.448.000đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/11/2022 bị đơn ông T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các căn cứ mà các bên đương sự thống nhất:

- Hợp đồng vay tiền công chứng số 20960 quyền số 04 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 10/11/2020 tại Văn phòng công chứng Bình Phước (gọi tắt là Hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2020) các bên chưa thực hiện việc giao tiền.

- Việc giao tiền được thực hiện ngay sau khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2020 tại quán cà phê Bonsai.

- Ông Đ là người đưa tiền cho bà T2 (vợ ông T) đếm.

Những vấn đề các bên không thống nhất:

- Các bên không thống nhất với các căn cứ sau:
+ Ông T cho rằng ông Đ đã thỏa thuận lãi suất vay 3%/tháng/1triệu nhưng sau đó thì thay đổi 6%/tháng/1triệu nên tại quán cà phê Bonsai ông T không đồng ý và đã trả tiền cho ông Đ đem về.

+ Ông Đ cho rằng lãi suất các bên thống nhất thỏa thuận là 6%/tháng/1triệu và ông đã giao tiền cho ông T và phía ông T đã trả lãi cho ông được 4 tháng.

+ Bà T2 (vợ ông T) thừa nhận số tiền ông Đ đem đến là 04 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng. Bà là người đếm tiền nhưng khi đang đếm thì giữa ông Đ và ông T không thỏa thuận được tiền lãi suất nên đã giao tiền lại cho ông Đ cầm về.

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không bổ sung gì thêm; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Thanh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T làm trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn ông Đ và bị đơn ông T thống nhất hai bên có lập Hợp đồng vay tiền công chứng số 20960 quyền số 04 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 10/11/2020 tại Văn phòng công chứng Bình Phước xác định ngày 10/11/2020, ông Nguyễn Đăng Đ và ông Đỗ Thanh T có ký Hợp đồng vay tiền với các điều khoản sau: số tiền vay là ông Đ đồng ý cho ông T vay 200.000.000 đồng. Thời hạn và phương thức vay: thời hạn 06 tháng kể từ ngày công chứng; phương thức vay: tiền mặt Việt Nam đồng. Lãi suất: hai bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật. Việc giao tiền được thực hiện ngay sau khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2020 tại quán cà phê Bonsai. Ông Đ là người đưa tiền cho bà T2 (vợ ông T) đếm. Đây là sự kiện có thật không phải chứng minh.

Ông Đ cho rằng sau khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2020 ông Đ đã giao đủ tiền cho ông T 200.000.000 đồng và các bên thống nhất lãi suất như thỏa thuận.

Còn ông T khẳng định chưa nhận số tiền 200.000.000 đồng nên ông T không đồng ý trả nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2023, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Ngọc T2 vợ ông T vẫn thừa nhận sự việc ông Đ có đến quán cà phê Bonsai giao cho ông T vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với bốn cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) bà T2 là người đếm tiền vì giữa ông Đ với ông T không thống nhất với nhau về lãi suất nên bà đã giao trả lại tiền cho ông Đ cầm đi về nhưng lại không có chứng cứ chứng minh, lời khai của bà T2 chỉ được ông Đ chấp nhận việc bà T2 có cầm tiền đếm còn việc trả lại tiền thì không chấp nhận nên không có căn cứ để xem xét.

Mặt khác, ông Đ không đồng ý với ý kiến của ông T mà khẳng định đã giao tiền cho ông T thể hiện tại Hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2020, phù hợp với chứng cứ là ngày 10/11/2020 ông Đ đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội để rút số tiền 188.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho ông T đủ số tiền 200.000.000 đồng, ông T cho rằng không nhận được số tiền 200.000.000 đồng nhưng ông T không yêu cầu ông Đ cùng ông T đến Văn phòng công chứng Bình Phước để hủy Hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2020 nên ý kiến của ông T về việc ông T chưa nhận được số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay ngày 11/10/2020 là không có cơ sở.

Trong quá trình giao dịch, ông Đ cho rằng đến tháng 12/2020 ông T có trả cho ông Đ số tiền 24.000.000 đồng nói trả lãi trước 06 tháng là 20.040.000 đồng còn lại 3.960.000 đồng thì trả vào tiền gốc nên ông mới yêu cầu ông T phải trả lãi trên số tiền gốc 196.040.000 đồng theo quy định pháp luật tính từ ngày 11/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông T không thừa nhận đã nhận vay số tiền 200.000.000 đồng nên không có việc trả lãi như ông Đ trình bày, ông Đ không có chứng cứ chứng minh việc ông T trả tiền lãi, nên ý kiến của ông Đ ngày 25/4/2022 đồng ý việc ông T trả cho ông Đ số tiền 24.000.000 đồng được trừ vào tiền gốc. Như vậy, ông T còn nợ ông Đ số tiền 176.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: Hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2020 không thỏa thuận mức lãi suất và thời gian trả lãi nên các bên xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, tại lời khai ngày 25/4/2022 thì ông Đ chỉ yêu cầu mức lãi suất là 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất nên được chấp nhận. Số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn chậm trả ông T phải trả cho ông Đ cụ thể là:

- Lãi trong hạn từ ngày 10/11/2020 đến ngày 10/5/2021 (06 tháng) là:
 $176.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 06 \text{ tháng} = 10.560.000 \text{ đồng};$

- Lãi quá hạn tạm tính từ ngày 11/5/2021 đến ngày 30/9/2022 (xét xử sơ thẩm) là 176.000.000đồng x 1,67% x 16 tháng 19 ngày = 48.888.000đồng .

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 176.000.000đồng + 10.560.000đồng + 48.888.000đồng = 235.448.000đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Thanh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 166, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Đ.

2. Buộc ông Đỗ Thanh T phải trả cho ông Nguyễn Đăng Đ số tiền gốc là 176.000.000 đồng, tiền lãi là 59.448.000 đồng, tổng cộng là 235.448.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Thanh T phải nộp 11.772.000đồng (*Mười một triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng*). Ông Nguyễn Đăng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.651.000đồng (*Năm triệu sáu trăm năm mươi một ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004300 ngày 31/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐX.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Thanh T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004658 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thành phố ĐX;
- Chi cục THADS thành phố ĐX;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng